TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/KDTM - PT.
Ngày: 12/11/2019
V/ v Tranh chấp HĐ tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Anh Dân

- Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Quế và Bà Dương Thị Liên.

- Đại diện VKS tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Mạnh - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng - Cán bộ tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên .

Ngày 12 tháng 11 năm 2019, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2019/KDTM - PT ngày 06/9/2019 về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2019/KDTM-ST ngày 7/6/2019 của Tòa án nhân thành phố Thái Nguyên có kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2019/QĐ - PT ngày 01/10/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP ĐNA (Seab)

Đại diện theo pháp luật: Ông Ta, Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông V, sinh năm 1994, Cán bộ xử lý nợ. (Theo giấy ủy quyền số 7551/2018/UQ- Seab ngày 19/6/2018). Có mặt

Địa chỉ: Số 25 THĐ, phường PCT, quận HK, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Ông T, sinh năm 1972

Bà H, sinh năm 1980

Đều ĐKHKTT:Tổ 22, phường TT, TP.TN, tỉnh Thái Nguyên

(Bà H có mặt, ông T2 vắng mặt)

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Ông S, sinh năm 1976; bà Ph, sinh năm 1981. Đều trú tại Tổ 22, phường TT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

(Ông S, có mặt; bà Ph đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngân hàng Ngân hàng TMCP ĐNA (Seab), khởi kiện ông T, bà H, yêu cầu ông Tài, bà H phải trả tiền Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 14223668.27.06.2016/HĐHMTD ngày 27 tháng 6 năm 2016 với số tiền vay là 1.000.000.000đ (một tỷ đồng). Quá trình vay vốn cụ thể như sau: Hạn mức tín dụng: 1.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ đồng*); Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh; Thời hạn: 06 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân: 10,5%/năm. Lãi suất cho vay = Lãi suất VNĐ kỳ hạn 14 tháng của sản phẩm tiết kiệm lĩnh lãi cuối kỳ đối với KHCN + Biên độ 2,5% + Giảm trừ lãi suất. Tài sản bảo đảm cho khoản vay là: toàn bộ quyền sử dụng diện tích đất và T sản gắn liền với đấttại thửa đất số: 359, tờ bản đồ số: 6, diện tích: 230m^2, địa chỉ: phường TT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 230402, số vào Sổ cấp GCN: H 00169/NTC do UBND thành phố TN cấp ngày 23/10/2009 cho hộ ông T, bà H. Tài sản được thế chấp cho Seab theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 14223668.27.06.2016/HĐTC, số công chứng: 3344, Quyển số: 03/TP-CC/SCC-HĐGD ngày 29/6/2016 tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Thái Nguyên. Tài sản được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của Pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Seab đã giải ngân đối với khoản tiền vay cho ông T và bà H số tiền 1.000.000.000đ (một tỷ đồng) theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 14223668.27.06.2016/HĐHMTD ngày 27 tháng 6 năm 2016.

Sau khi vay vốn, ông T, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Seab kể từ ngày 18/12/2017 (khoản vay theo giấy nhận nợ ngày 17/6/2017) và ngày 22/12/2017 (khoản vay theo Giấy nhận nợ ngày 21/6/2017). Seab đã nhiều lần trực tiếp và có văn bản nhắc nhở yêu cầu ông T, bà H thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo khế ước nhận nợ đối với khoản vay trên, tuy nhiên hộ kinh doanh ông T bà H vẫn không thực hiện, do vậy toàn bộ khoản nợ tại Hợp đồng hạn mức tín dụng số 14223668.27.06.2016/HĐHMTD ngày 27 tháng 6 năm 2016 chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 22/12/2017.

Nay Seab đề nghị Tòa án buộc ông T, bà H thanh toán cho Seab khoản nợ theo các Hợp đồng tín dụng trên số tiền tạm tính đến ngày 07/6/2019 là: 1.231.275.674đồng*(Trong đó: Nợ gốc là: 987.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 9.652.066 đồng; Lãi quá hạn: 234.623.608 đồng)*và khoản lãi phát sinh kể từ ngày 08/6/2019 đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ.

Ông T, bà H còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng (có điều chỉnh lãi suất) kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong.

Trường hợp ông T bà H không thanh toán số tiền trên, Ngân hàng đề nghị cơ quan thi hành án được xử lý tài sản thế chấp của ông T bà H để thu hồi nợ tương ứng với khoản tiền vay gốc và lãi suất theo quy định cho Seab cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ông T, bà H trình bày:

Năm 2016, do cần tiền để kinh doanh nên ông bà có làm thủ tục vay vốn của Ngân hàng TMCP ĐNA (Seab) số tiền gốc 1.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ đồng*) và có thế chấp tài sản là toàn bộ quyền sử dụng diện tích đất và Tài sản gắn liền với đất và tài sản trên thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông là T và H như Ngân hàng trình bày để đảm bảo cho khoản vay 1.000.000.000đ. Để đảm bảo cho khoản vay trên ông bà đã thế chấp toàn bộ tài sản bao gồm:Quyền sử dụng đất và Tài sản gắn liền trên đất thuộc thửa đất số 359, tờ bản đồ số 6, diện tích 230m^2 tại tổ 22, phường TT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 230402 do UBND thành phố TN cấp ngày 23/10/2009 cho hộ ông T, bà H.

Do làm ăn thua lỗ không có khả năng thanh toán nợ đến hạn theo Hợp đồng tín dụng, nên tính đến thời điểm hiện tại ông bà còn nợ Ngân hàng khoản nợ gốc của hợp đồng tín dụng số 14223668.27.06.2016/HĐHMTDngày 27 tháng 6 năm 2016 số tiền gốc là 1.000.000.000đ (một tỷ đồng), vợ chồng ông bà đã trả được cho Seab số tiền gốc là: 13.000.000đ; số tiền lãi là 44.520.280 đồng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông phải trả toàn bộ khoản nợ vay bao gồm cả gốc và lãi như thỏa thuận của hợp đồng tín dụng, ông T, bà H nhất trí trả Ngân hàng khoản nợ trên.

Ông T bà H còn đề nghị Tòa án xem xét: Theo hợp đồng thế chấp số 14223668.27.06.2016/HĐHMTD ngày 27/6/2016 tại Điều 2 thì Tài sản gắn liền với đất là không có và những tài sản đầu tư xây dựng thêm sau khi ký hợp đồng thì mới thuộc tài sản thế chấp. Tuy nhiên vào năm 2015, gia đình ông T bà H đã được UBND thành phố TN cấp giấy phép xây dựng số 1050/GPXD-UBND ngày 15/06/2015 về việc xây dựng nhà cấp 4, diện tích 40m^2. Ngôi nhà được xây dựng năm 2015 do em trai ông là S (địa chỉ tổ 22, phường TT, thành phố TN) xây dựng.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa sơ thẩm đưa vụ án ra xét xử, tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2019/KDTM-ST ngày 7/6/2019 của Tòa án nhân thành phố Thái Nguyên đã quyết định:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP ĐNA (Seab), buộc ông T và bà H phải trả cho Ngân hàng TMCP ĐNA (Seab) số tiền vay theo hợp đồng tín dụng số 14223668.27.06.2016/HĐHMTDngày 27/6/2016 tính đến ngày xét xử sơ thẩm 07/6/2019 tổng số tiền là: 1.231.275.674đồng*(Trong đó: Nợ gốc là: 987.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 9.652.066 đồng; Lãi quá hạn: 234.623.608 đồng.*

Ông T, bà H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm 07/6/2019 cho đến khi thanh toán xong.

2. Trường hợp ông T, bà H không thanh toán được khoản tiền nói trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý toàn bộ tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 14223668.27.06.2016/HĐTC ký kết ngày 29/6/2016 tại Văn phòng Công chứng số 1 tỉnh Thái Nguyên và Cam kết ngày 13/9/2016 như sau:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa 359, tờ bản đồ số 6, diện tích 230m^2 (đất ở đô thị) địa chỉ tổ 22, phường TT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông T và bà H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 230402 do UBND thành phố TN cấp ngày 23/10/2009.

Án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/7/2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh S kháng cáo, không đồng ý xử lý tài sản thế chấp vì hợp đồng thế chấp là vô hiệu. Ngày 20/7/2019 bị đơn chị H kháng cáo, chị không được triệu tập đến phiên tòa sơ thẩm, không đồng ý xử lý tài sản thế chấp vì hợp đồng thế chấp là vô hiệu. Đề nghị hủy toàn bộ án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh S bị đơn chị H kháng cáo trong hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo là hợp lệ được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo của anh S, chị H. Theo tài liệu trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại Tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về Hợp đồng hạn mức tín dụng số14223668.27.06.2016/HĐHMTD ngày 27/6/2016 giữa Ngân hàng TMCP ĐNA (Seab) với ông T, bà H, các bên đương sự đều thống nhất về các khoản tiền vay và thanh toán như tòa sơ thẩm đã nhận định và quyết định.

Đối với Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 14223668.27.06.2016/HĐTC ký kết ngày 29/6/2016 tại Văn phòng Công chứng số 1 tỉnh Thái Nguyên. Để đảm bảo cho khoản vay ông T, bà H đã thế chấp tài sản bao gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa 359, tờ bản đồ số 6, diện tích 230m^2 (đất ở đô thị) địa chỉ tổ 22, phường TT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông T và bà H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 230402 do UBND thành phố TN cấp ngày 23/10/2009 cho hộ ông T và bà H. Tại cấp sơ thẩm ông T, bà H, anh S cho rằng

trên đất là nhà của anh S nên hợp đồng thế chấp là vô hiệu. Tuy nhiên không đưa ra được căn cứ chứng minh bởi lẽ GCNQSD đất cũng như giấy phép xây dựng nhà đều mang tên anh T, bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay anh S, chị H rút nội dung kháng cáo về hợp đồng thế chấp tài sản vô hiệu cũng như về việc không được triệu tập đến phiên tòa sơ thẩm mà chỉ đề nghị Ngân hàng được trả dần số tiền vay vì hiện tại hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng không đồng ý do vậy không có căn cứ chấp nhận ý kiến của bà H, cũng như kháng cáo của ông S.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[3.] Tại phiên tòa, đại diện VKS nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu quan điểm: Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử, bác kháng cáo của bà H, anh S giữ nguyên án sơ thẩm.

Từ sự phân tích trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự , không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Sơn, bị đơn chị H Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Thương mại HB. Giữ nguyên bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2019/KDTM-ST ngày 7/6/2019 của Tòa án nhân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Áp dụng Điều 371, Điều 319, Điều 320; Điều 323 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự; các Điều 91 và 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP ĐNA (Seabank), buộc ông T và bà H phải trả cho Ngân hàng TMCP ĐNA (Seab) số tiền vay theo hợp đồng tín dụng số 14223668.27.06.2016/HĐHMTD ngày 27/6/2016 tính đến ngày xét xử sơ thẩm 07/6/2019 tổng số tiền là: 1.231.275.674đồng*(Trong đó: Nợ gốc là: 987.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 9.652.066 đồng; Lãi quá hạn: 234.623.608 đồng.*

Ông T, bà H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm 07/6/2019 cho đến khi thanh toán xong.

2. Trường hợp ông T, bà H không thanh toán được khoản tiền nói trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý toàn bộ tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 14223668.27.06.2016/HĐTC ký kết ngày

29/6/2016 tại Văn phòng Công chứng số 1 tỉnh Thái Nguyên và cam kết ngày 13/9/2016 như sau:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa 359, tờ bản đồ số 6, diện tích 230m^2 (đất ở đô thị) địa chỉ tổ 22, phường TT, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông T và bà H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 230402 do UBND thành phố TN cấp ngày 23/10/2009.

3. Án phí:

3.1. Án phí sơ thẩm: Ông T và bà H phải nộp 48.938.270đồng (Bốn mươi tám triệu chín trăm ba mươi tám nghìn hai trăm bẩy mươi đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP ĐNA (Seab) số tiền 22.345.000đồng (hai mươi hai triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006707 ngày 13 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

3.2. Án phí phúc thẩm: Anh S, bà H mỗi người phải chịu 300.000đ án phí phúc thẩm được chuyển từ dự phí sang, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí đã nộp số 0002072 (anh S); biên lai số 0002071 (bà H), ngày 8/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành./.

Nơi nhận:
- VKS ND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND TP Thái Nguyên;
- THADS TP Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu HS;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(đã ký)

Đỗ Anh Dân